

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; Ngày, tháng, năm sinh: 15/01/1984; Số định danh cá nhân: 031184024771; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường H, quận A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn K; Ngày, tháng, năm sinh: 18/10/1977; Số định danh cá nhân: 030077009872; ĐKKHKT: Phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Đinh Văn K vào ngày 12/12/2008, được đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã Đ), huyện K, tỉnh

Hải Dương. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về quê chị tại Hồ N, A, Hải Phòng làm ăn và sinh sống tại đó. Quá trình chung sống do chị và anh K không hợp nhau về tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ lẫn nhau. Không những vậy, anh K nhiều lần chửi bới xúc phạm gia đình bố mẹ chị vì cho rằng bản thân phải đi ở rể. Chị và gia đình đã nhiều lần động viên khuyên giải anh K nhưng anh K không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc. Từ tháng 5/2022, anh K đã bỏ về ở với bố mẹ tại xã Đ, huyện K mà không quay về chung sống với chị nữa và vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay chị T xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh K để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đinh Văn K trình bày: Anh và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã Đ) vào ngày 12/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng về quê chị T làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống hoà thuận được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ lẫn nhau. Mỗi khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị T hay mắng mỏ anh, anh không phản ứng gì nhưng tình cảm vợ chồng một ngày rạn nứt, không còn hạnh phúc. Đến tháng 5/2022, anh đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện K ở và cắt đứt hoàn toàn mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế với chị T. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, chị T xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Chị T và anh K đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thùy D, sinh ngày 26/11/2009 và Đinh Văn T1, sinh ngày 31/7/2012. Hai con chung hiện nay đang ở cùng chị T. Nay quan điểm của chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Quan điểm của anh K là tùy nguyện vọng của các con, nếu các con xin được ở với anh thì anh sẽ nuôi dưỡng và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn nếu các con có nguyện vọng ở với chị T thì anh cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh K; Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đình Thùy D và Đình Văn T1. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Đình Văn K có nơi ở tại xã Đ, huyện K và có đơn lựa chọn Toà án nhân dân huyện Kim Thành giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Chị Nguyễn Thị T và anh Đình Văn K đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đình Văn K kết hôn trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai bên đã xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, đã xác định được quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Đình Văn K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Đinh Thùy D và Đinh Thanh T2 các cháu đều có nguyện vọng ở với chị T. Xét thấy, cháu D và cháu T2 đang ở cùng chị T và đang học tập tại quận A, thành phố Hải Phòng. Chị T hiện có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của con chung, cần tiếp tục giao cả hai con chung cho chị T được nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn K.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Đinh Thùy D, sinh ngày 26/11/2009 và Đinh Văn T1, sinh ngày 31/7/2012 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số 0006666 ngày 02 tháng 4 năm 2025. Chị T đã nộp đủ.

5. Quyền không cảo: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn K được quyền không cảo bản ỏn trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản ỏn./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích